TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TP. HỒ CHÍ MINH** THNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **323**/2026/QĐST - HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 945/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Trương Văn T**, sinh năm: 1977;

CCCD số: 079077005702; Ngày cấp: 01/03/2022;

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi thường trú và nơi cư trú: 423/4 đường M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Văn Thiên H**, sinh năm: 1982;

CCCD số: 079182001823; Ngày cấp: 01/03/2022;

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi thường trú: 423/4 đường M, phường B, TP. Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: B7/8H1 ấp A, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trương Văn T, sinh năm 1977 và bà Văn Thiên H, sinh năm 1982.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: Ông Trương Văn T và bà Văn Thiên H đồng ý thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 11 do Ủy ban nhân dân phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 11/01/2008 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Trương Văn T và bà Văn Thiên H có 01 (một) con chung tên Trương Hoàng P, giới tính: Nam, sinh ngày 29/01/2010. Khi ly hôn, bà H và ông T thoả thuận giao bà H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trương Hoàng P, ông T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung đối với trẻ Hoàng P số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 tây hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 15/3/2026.

Ông Trương Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ Trương Hoàng P mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 (mười lăm) hàng tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 15/03/2026.

Trường hợp ông T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Ông T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Ông Trương Văn T và bà Văn Thiên H xác nhận không có.

4. Về nợ chung: Ông Trương Văn T và bà Văn Thiên H xác nhận không có.

5. Về án phí: Ông Trương Văn T tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Trương Văn T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0042386 ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trương Văn T đã nộp đủ án phí.

III. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND KV10 – TP.HCM; (2)
- THADS TP.HCM; (1)
- UBND phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu: VP, hồ sơ; (3)

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Duy Linh